**TRƯỜNG THCS HƯNG ĐẠO**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
|  | **Bài học đường đời đầu tiên (trích Dế Mèn phiêu lưu kí)** | Tô Hoài | Truyện đồng thoại | Nghệ thuật miêu tả loài vật của Tô Hoài rất sinh động, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình. | Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình. |
| **Tôi và các bạn** | **Nếu cậu muốn có một người bạn... (trích Hoàng tử bé)** | Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri | Truyện đồng thoại. | Tác giả đã nhân cách hóa thành công nhân vật con cáo phù hợp với thể loại truyện đồng thoại. Bên cạnh đó sử dụng ngôi kể thứ nhất chân thực, những ẩn dụ tinh tế và lối kể gần gũi, hấp dẫn. | Nếu cậu muốn có một người bạn là đoạn trích nói lên ý nghĩa và cách thức chân chính để nhìn nhận một tình bạn. Câu chuyện xoanh quanh hoàng tử bé và con cáo cùng định nghĩa về "cảm hóa". Từ đó nêu ra những bài học cuộc đời cho độc giả. |
|  | **Bắt nạt** | **Nguyễn Thế Hoàng Linh** | Thơ 5 chữ | Thể thơ 5 chữ kết hợp các biện pháp tu từ điệp từ, so sánh,... cùng lối thơ trong trẻo, tươi vui, hóm hỉnh khi nói về vấn đề nghiêm trọng. | BÀI thơ Bắt nạt nêu lên vấn đề ức hiếp kẻ yếu trong đời sống. Tác giả nêu lên quan điểm phê bình cái xấu, đứng về phía những người bị bắt nạt mà khuyên nhủ mọi người không nên bắt nạt người khác. |
|  | **Chuyện cổ tích về loài người** | **Xuân Quỳnh** | **Thể thơ: 5 chữ.** | Thể thơ 5 chữ vói ngôn ngữ giản dị, gần gũi, kết hợp sinh động với các yếu tố tự sự, miêu tả cùng các biện pháp tu từ như điệp ngữ,... | Chuyện cổ tích về loài người kể về sự xuất hiện của loài người, rồi sự trưởng thành, phát triển tiến đến xã hội văn minh. BÀI thơ đã bộc lộ tình yêu mến đối với con người nhất là trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Mọi sự sinh ra trên đời này là vì trẻ em, vì cuộc sống hôm nay và mai sau của trẻ em. |
|  | **Mây và sóng** | Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go | Thơ văn xuôi. | Hình thức đối thoại lồng trong lời kể kết hợp với hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. | Bài thơ Mây và sóng ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Tình mẫu tử là sức mạnh giúp con người vượt qua mọi cám dỗ của cuộc đời |
| **Gõ cửa trái tim** | **Bức tranh của em gái tôi** | Tạ Duy Anh | Truyện ngắn. | Truyện miêu tả tinh tế tâm lí nhân vật qua cách kể theo ngôi thứ nhất. | Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài hội họa, truyện Bức tranh của em gái tôi cho thấy: Tình cảm trong sáng hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình. |
| **Yêu thương và chia sẻ** | **Cô bé bán diêm** | Han Cri-xti-an An-đéc-xen | Truyện ngắn | Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lí. | Tác phẩm Cô bé bán diêm của An-đéc-xen truyền cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc đối với một em bé bất hạnh. |
| **Gió lạnh đầu mùa** | Thạch Lam | Truyện ngắn | - Tự sự kết hợp miêu tả- Cốt truyện đơn giản, nhẹ nhàng- Miêu tả tâm lý nhân vặt đặc sắc phù hợp lứa tuổi. - Ngòi bút miêu tả đầy tinh tế của nhà văn | Từ chuyện cho áo của những đứa trẻ trong những ngày gió lạnh, văn bản đã ca ngợi tình người đẹp đẽ, đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm và chia sẻ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh thiệt thòi, bất hạnh |
| **Con chào mào** | Mai Văn Phấn | Thơ tự do | - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc.- Sử dụng các biện pháp điệp ngữ nhằm miêu tả, nhấn mạnh hình ảnh, vẻ đẹp trong tiếng hót của con chim chào mào | Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |
| **Quê hương yêu dấu** | **Chùm ca dao về quê hương đất nước.** |  | Thơ lục bát | - Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi- Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc. | - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.- Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.- Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người. |
| **Chuyện cổ nước mình** | Lâm Thị Mỹ Dạ | Thơ lục bát | - Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ.- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình- Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)…. | - Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.- Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau. |
| **Cây tre Việt Nam** | Thép Mới | Bút ký chính luận trữ tình | - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu thấm đẫm chất trữ tình.- Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...- Nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi. | - Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam, cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam. - Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc |
| **Những nẻo đường xứ sở** | Cô Tô | Nguyễn Tuân | Kí | - Lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian; ghi chép bằng hình ảnh để tạo ấn tượng, ngôi kể thứ nhất.- Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu sức gợi, mang dấu ấn riêng.- Sử dụng phép nhân hóa, so sánh với trí tưởng tượng bay bổng, tạo ra hình ảnh vừa kì vĩ, vừa gần gũi. | **+ V**ẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt. **+** Ca ngợi vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ mà lặng lẽ bám biển ðể lao ðộng sản xuất ðể giữ gìn biển đảo quê hương.+ Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt |

**A.Một số khái niệm, đặc điểm thể loại**

**1. Truyện:** là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

**2. Truyện đồng thoại.**

- Đối tượng hướng đến: Là truyện viết cho trẻ em,với nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa. Thế giới trong truyện đồng thoại được tạo dựng không theo quy luật tả thực mà giàu chất tưởng tượng. Các tác giả của truyện đồng thoại thường sử dụng tiếng chim, lời thú ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất thú vị và phù hợp với tâm lí trẻ thơ.

- Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người. Vì vậy truyện đồng thoại gần gũi với thế giới cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. Nguồn chất liệu rộng mở (từ các loài cỏ cây,loài vật, loài người đến những đồ vật vô tri- cây cầu, đoàn tàu, cánh cửa, cái kim, sợi chỉ...) khiến nhân vật đồng thoại rất phong phú. Sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng, ngôn ngữ và hình ảnh sinh động mang lại sức hấp dẫn riêng cho truyện đồng thoại. Thủ pháp nhân hóa và phóng đại cũng được coi là hình thức đặc thù của thể loại này.

- Cốt truyện: gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

- Người kể chuyện: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ ba.

- Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật

**3. Thơ là gì?**

 là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, với những tâm trạng dạt dào, với những tưởng tượng mạnh mẽ, ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu

**4. Một số đặc điểm của thơ:**

- Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định, với những đặc điểm riêng về số tiếng mỗi dòng, số dòng mỗi câu.

+ Vần: là phương tiện để tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định.

 **.** Vần chân: Vần được gieo ở tiếng cuối của dòng thơ . Vần chân rất đa dạng khi liên tiếp, khi gián cách

 **.** Vần lưng: vần được gieo ở tiếng giữa dòng thơ

+ Nhịp: là chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ trên sự lặp đi lặp lại của chu kì số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng.

+ Thanh: là thanh tính của âm tiết, Tiếng Việt có 6 thanh:thanh ngang, thanh sắc, thanh ngã, thanh huyền, thanh hỏi, thanh nặng.

+ Âm điệu: là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ.

- Ngôn ngữ thơ cô đọng hàm súc, giàu nhạc điệu giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...)

- Nội dung chủ yếu của thơ là thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có yếu tố miêu tả, tự sự nhưng những yếu tố đó chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- Nhân vật trữ tình: là hình tượng nhà thơ xây dựng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc

**5. Đặc điểm của thơ lục bát**

- Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.

***- Số câu, số chữ mỗi dòng:*** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).

***- Gieo vần:***

+ Gieo vần chân và vần lưng.

+ Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo

***- Ngắt nhịp:***  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)

**6.** **Kí**là một thể loại văn xuôi thường ghi lại sự việc và con người một cách xác thực.

**-** **Phân loại:** Kí bao gồm nhiều thể, nhiều tiểu loại phong phú như: *kí sự, phóng sự, hồi kí, du kí, nhật kí, tuỳ bút, bút kí,…*

**+ Hồi kí** là một thể của kí dùng để ghi chép lại những sự việc, những quan sát, nhận xét và tâm trạng có thực mà tác giả đã trải qua.

**+ Du kí:** Du kí là thể loại ghi chép vể những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

**-** **Tính xác thực** của sự việc mà kí ghi chép được thể hiện qua một hoặc nhiều yếu tố cụ thể như thời gian (ngày, tháng, năm,...); địa điểm diễn ra sự việc; sự có mặt của người khác như người thân trong gia đình, bạn bè cùng tham gia vào một sự việc.

**-**  **Ngôi kể**: Người kể trong kí thường kể theo ngôi thứ nhất (người kể xưng *tôi*)

**B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**I. CẤU TẠO TỪ:**

- Từ đơn do một tiếng tạo thành.

- Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy).

+ Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

+ Từ láy là những từ phức có quan hệ láy âm.

**II. NGHĨA CỦA TỪ**

- Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.

- Từ một nghĩa là tên gọi của một sự vật, hiện tượng.

 - Từ đa nghĩa là tên gọi của nhiều sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất

* Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
* Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc

**III. CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ:**

**1. So sánh**

**a. Khái niệm:** So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

 \*Ví dụ:

- Mặt trời xuống biển như hòn lửa

- Hôm nào trăng khuyết nhìn giống con thuyền trôi trên dòng sông ngân hà.

- Trăng khuyết như cái lưỡi liềm ai bỏ quên trên cánh đồng mênh mông.

- Trăng khuyết trông như miệng em bé cười rất duyên.

- Trăng tròn như quả bóng bay.

- Trăng sáng như gương.

**b. Cấu tạo của phép so sánh.**

Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh gồm:

- Vế A: Nêu tên sự vật, sự việc được so sánh.

- Vế B: Nêu sự vật, sự việc dùng để so sánh.

- Từ chỉ phương diện so sánh.

- Từ so sánh.

**c. Các kiểu so sánh**

- Có 2 kiểu so sánh cơ bản:

+ Ngang bằng: Như, tựa, ý nhủ, như là bao nhiêu - bấy nhiêu,. . .

+ Không ngang bằng: Chẳng bằng, chưa bằng, hơn là. . .

Vd:

- Quê hương là chùm khế ngọt

- Chiếc áo này rách hơn là chiếc áo kia.

**d. Tác dụng của phép so sánh.**

- Tác dụng của phép tu từ so sánh: Vừa có tác dụng gợi hình giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động, vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

**2. Nhân hóa**

**a. Khái niệm:** *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.

-Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa

**b. Tác dụng**: làm cho đồ vật, cây cối thiên nhiên trở nên gần gũi với con người - diễn đạt sinh động cụ thể gợi cảm.

**c. Các kiểu nhân hoá**

+ Gọi vật bằng những từ vốn gọi người: Lão miệng, cô mắt. . .

+ Dùng những từ chỉ hoạt động tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của vật, của thiên nhiên; Sông gầy, đê choãi chân ra. . .

+ Trò chuyện xưng hô với vật như với người.

 *Khăn thương nhớ ai*

 *Khăn rơi xuống đất?*

 *Khăn thương nhớ ai*

*Khăn vắt lên vai?*

**3. Điệp ngữ**

**a. Khái niệm:** *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu)

**b. Tác dụng**: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

**c. Các kiểu điệp ngữ:** Điệp ngữ có 3 dạng:

+ Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.

+ Điệp ngữ cách quãng

+ Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

Ví dụ:Một bầy gà mà bươi trong bếp

Chết ba con hỏi còn mấy con

**4. Ẩn dụ**

**a. Khái niệm:** Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

**b. Tác dụng:** làm cho câu văn, câu thơ có tính hàm xúc, tăng tính gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

**c. Các kiểu ẩn dụ:**

Có 4 kiểu ẩn dụ :

+ Ẩn dụ hình thức (dựa trên sự tương đồng với nhau về hình thức)

*Vd :Dưới trăng quyên đã gọi hè*

*Đầu tường* ***lửa lựu*** *lập lòe đơm bông.*

+ Ẩn dụ cách thức (dựa trên sự tương đồng với nhau về cách thức, hành động)

*Vd: Uống nước nhớ nguồn.*

+ Ẩn dụ phẩm chất (dựa trên sự tương đồng với nhau về phẩm chất)

Vd: *“****Đèn*** *khoe đèn* ***tỏ*** *hơn* ***trăng***

***Đèn*** *ra trước* ***gió*** *còn chăng hỡi* ***đèn****?”*

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (dựa trên sự tương đồng với nhau về cảm giác)

*Vd: “Một tiếng chim* ***kêu sáng*** *cả rừng”*

 (Khương Hữu Dụng)

**5. Hoán dụ**

**a. Khái niệm:** Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó

**b. Tác dụng:** nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

**c. Các kiểu hoán dụ thường gặp:**

+ Hoán dụ dựa trên mối quan hệ toàn thể- bộ phận;

+ Hoán dụ dựa trên mối quan hệ vật chứa với vật được chứa;

+ Hoán dụ dựa trên mối quan hệ sự vật - chất liệu…

**II. Biện pháp tu từ**

**1. So sánh**

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

**2. Nhân hóa**

**III. Đại từ nhân xưng**

- Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...);

- Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi:

+ Ngôi 1

Số ít: tôi/tao/tớ/ta

Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ

+ Ngôi 2

Số ít: mày/mi/ngươi/bạn

Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay

+ Ngôi 3

Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy

Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ

**IV. CỤM TỪ**

**1. Cụm danh từ**

**a. Khái niệm:** Cụm danh từ là tập hợp từ, gồm danh từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau danh từ trung tâm ấy.

**b. Cấu tạo:**

 Cụm danh từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: là danh từ

+ Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện

+ Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.

**2. Cụm động từ**

**a. Khái niệm:** Cụm động từ là tập hợp từ, gồm động từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau động từ trung tâm ấy.

**b. Cấu tạo:**

 Cụm động từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: là động từ

+ Phần phụ trước: Thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về

+ Thời gian*(đã, đang, sẽ,...)*

+Khẳng định/phủ định*(không, chưa, chẳng...)*

+ Tiếp diễn*(đều, vẫn, cứ,...)*.

+ Mức độ của trạng thái *(rất, hơi, quá,...)*

*…*

+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về :

+ Đối tượng *(đọc sách),*

+ Địa điểm *(đi Hà Nội),*

+ Thời gian *(làm việc từ sáng),...*

**3. Cụm tính từ**

**a. Khái niệm:** Cụm tính từ là tập hợp từ, gồm tính từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau tính từ trung tâm ấy.

**b. Cấu tạo:**

 Cụm tính từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: là tính từ

+ Phần phụ trước: Thường bổ sung cho tính từ ý nghĩa về

+ Mức độ *(rất, hơi, khá,...),*

+ Thời gian *(đã, đang, sẽ,...),*

+ Tiếp diễn *(vẫn, còn,...).*

*…*+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về :

+ Phạm vi *(giỏi toán),*

+ So sánh *(đẹp như tiên),*

+ Mức độ *(hay ghê),...*

 **V. PHÂN BIỆT TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ đồng âm** | **Từ đa nghĩa** |
| **Giống nhau*** Đều có cách viết hết và cách đọc trong tiếng Việt giống nhau
* Dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ
 |
| **Khác nhau** |
| Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh Ví dụ:* Em rất thích **đá** bóng.
* Hòn **đá** đẹp quá!

 + Từ **đá** trong câu *Em rất thích đá bóng .*là động từ ,chỉ một hành động* Từ **đá** trong câu *Hòn đá đẹp quá!* là một danh từ.
* Hai từ **đá** trên giống nhau về mặt âm thanh không có mối liên hệ về mặt ngữ nghĩa
 | Từ đa nghĩa là những từ có nghĩa gốc và một hoặc nhiều nghĩa chuyển, giữa các nghĩa có mối quan hệ với nhau. Ví dụ Từ ăn có nhiều nghĩa* Nghĩa gốc từ **ăn** là chỉ hành động nạp thức ăn vào cơ thể con người để duy trì sự sống
* Nghĩa chuyển:

 + **Ăn** ảnh: hình ảnh xuất hiện trong ảnh đẹp hơn bên ngoài. + **Ăn** cưới: ăn uống nhân dịp có hai người kết hôn.+ Sông **ăn** ra biển: chỉ hiện tượng nước ở sông tràn ra biển. + **Ăn** hoa hồng: nhận lấy để hưởng.+ Da **ăn** nắng: làm hủy hoại từng phần |
|  Thường khác từ loại Ví dụ:* Chúng nó **tranh** nhau quyển sách.

( **tranh** là động từ)* Em tôi vẽ **tranh** rất đẹp. ( **tranh** là danh từ)
* Nếu cùng từ loại thì phần lớn là danh từ

 Ví dụ: Tôi rất thích tấm **vải** này. ( **vải** là danh từ) * Năm nay quả **vải** đã được xuất khẩu sang nhiều nước khác

( **Vải** là danh từ) |  Luôn cùng từ loại Ví dụ:* Tôi **ăn** cơm. (**ăn** là động từ)
* Tàu **ăn** hàng. (**ăn** là động từ)
 |
| Các từ đồng âm có nghĩa khác xa nhau Ví dụ: Từ lồng* Con ngựa đang đứng bỗng lồng lên.

 ( từ lồng trong câu là động từ chỉ hoạt động cất vó lên cao với một sức mạnh đột ngột rất khó kìm giữ)* Mua được con chim bạn tôi nhốt ngay vào  lồng ( từ lồng trong câu này có nghĩa là đồ dùng bằng tre, nứa hoặc bằng gỗ dùng để nhốt chim, gà)

 Nghĩa của hai từ lồng trong hai câu trên khác xa nhau về nghĩa, không có sự liên quan nào về nghĩa | Tất cả  cả các nghĩa triển đều xuất phát từ quy luật chuyển nghĩa của từVí dụ:* Ngôi nhà mới xây xong. ( Từ nhà chỉ nơi ở)
* Cả nhà đang ăn cơm

( Từ nhà chỉ những người sống trong một ngôi nhà) |
|  Không thể thay thế được cho nhau vì mỗi từ đều mang nghĩa gốc. Ví dụ* Con đường về quê em đang được đổ bê tông. ( từ đường trong câu chỉ bề mặt bằng đất, nhựa hoặc bê tông... để đi lại
* Em mua giúp mẹ hai cân đường. ( từ đường trong câu chỉ một loại thực phẩm dùng đề pha chế các loại nước giải khát làm bánh kẹo...
* Hai từ đường trong 2 trường hợp trên không thể thay thế được cho nhau.
 |  Có thể thay thế từ đa nghĩa trong nghĩa chuyển bằng một từ khác.Ví dụMùa xuân là tết trồng cây Trồng cho đất nước ngày càng thêm xuân  (Hồ Chí Minh) từ xuân trong dòng 1có nghĩa gốc chỉ một mùa trong năm. từ xuân trong dòng thơ 2 là nghĩa chuyển được hiểu là mùa xuân mang đến sự tươi trẻ, sức sống mới Vì vậy, có thể thay được từ tươi đẹp |

**IV. DẤU CÂU**

- Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên mặt văn bản một cấu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa cá thành phần của câu.

- Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết.

- Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm.

🡪 Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc.

- Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Dấu câu** | **Công dụng** |
| **1** | **Dấu ngoặc kép** | - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu.- Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp.- Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt.- Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm. |
| **2** | **Dấu phẩy** | - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu;- Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép;- Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng;- Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu. |
| **3** | **Dấu gạch ngang** | - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê;- Đặt đầu dòng trước lời đối thoại;- Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu;- Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau;- Phiên âm tên nước ngoài;- Dùng trong cách để ngày, tháng, năm. |

C. **TẬP LÀM VĂN**

**Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân**

**1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm**

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.

- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

- Sắp xếp sự việc theo một trình tự hợp lí

- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

**2. Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**

**\* Chọn lựa đề tài**

Chọn đề tài mà câu chuyện hướng đến: tình bạn, tình mẹ con, tình yêu quê hương, tình thầy trò,...

Để xác định được đề tài, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đáng nhớ. Ví dụ:

- Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.

- Một lỗi lầm của bản thân.

- Khám phá một vùng đất hoặc quyển sách mới.

- Khi chuyển đến một ngôi trường mới, làm quen với bạn mới...

**\* Thu thập tư liệu**

Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:

- Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.

- Đọc lại câu chuyện *Bài học đường đời đầu tiên, Nếu cậu muốn có một người bạn* và bài văn ở mục **Phân tích bài tham khảo: Người bạn nhỏ**

để học cách các tác giả kể trải nghiệm của họ.

- Tìm lại những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện.

**b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**

***\* Tìm ý***

**- Sự việc chính:** + Đó là chuyện gì? (tên sự việc được kể)

+ Xảy ra ở đâu ? (nghĩ đến không gian, địa điểm diễn ra câu chuyện định kể)

+ khi nào? ( nghĩ đến thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...)

- **Nhân vật**

+ Những ai đã tham gia vào câu chuyện? (nhận vật ông, bà, bố mẹ, cô giáo, bạn ....Trừ người thân, các nhân vật cần có tên riêng, lai lịch...)

+ Họ như thế nào? ( trang phục, nét ngoại hình nổi bật như vọc dáng, làn da, mái tóc, đôi mắt, nụ cười, giọng nói...)

+ Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (nhân vật và em nói chuyện gì, lời nói cụ thể, cử chỉ, hành động của người ấy ra sao...)

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào? (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? (Trải nghiệm cho em nhận thức được kiến thức gì, bài học nào sâu sắc).

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? (biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp)

**\* Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

**+ Mở bài:** Dùng ngôi thứ nhất để kể, giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.

Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.

**+ Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

**+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.

**c. Bước 3: Viết**: Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình.

**d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

Một số đề tham khảo

1. Kể lại một việc làm tốt mà em đã làm

2. Kể lại trải nghiệm buồn của em

3. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ nhất của em

4. Hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em với người bạn thân.

5. Hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em với thầy cô giáo mà em yêu quý

6. Em hãy kể về kỷ niệm ấu thơ làm em nhớ mãi

**LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ 1:**

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Biết rằng xa lắm Trường Sa*

*Trùng dương ấy tôi chưa ra lần nào.*

*Viết làm sao, viết làm sao*

*Câu thơ nào phải con tàu ra khơi*

*Thế mà đã có lòng tôi*

*Ở nơi cuối bến ở nơi cùng bờ*

*Phải đâu chùm đảo san hô*

*Cũng không giống một chùm thơ ngọt lành*

*Hải quân đảo cuối trời xanh*

*Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con*

*Sóng bào mãi vẫn không mòn*

*Vẫn còn biển cả vẫn còn Trường Sa*

*[….] Ở nơi sừng sững niềm tin*

*Hỡi quần đảo của bốn nghìn năm qua*

*Tấm lòng theo mũi tàu ra*

*Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần.*

(Lê Thị Kim - Nguyễn Nhật Ánh, Thành phố tháng Tư, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984, tr. 15 – 17)

**Câu 1**: **Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?**

A. Tự do B. Lục bát C. Ngũ ngôn D. Tứ tuyệt

**Câu 2**: **Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?.**

A . Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3**: **Xét về cấu tạo, từ “*sừng sững*” thuộc loại từ nào?.**

A . Từ đơn B. Từ ghép C. Từ láy D. Từ phức

**Câu 4**: **Đâu là phép tu từ dược sử dụng trong câu thơ:**

“*Hải quân đảo cuối trời xanh*

*Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con”*

A. Nhân hoá

B. So sánh

C. Điệp ngữ

D. Ẩn dụ

**Câu 5** : **Em hiểu như thế nào là** “***Quần đảo”* :**

A. Một hòn đảo lớn

B. Một hòn đảo nhỏ

C. Hòn đảo ở xa đất liền

D. Một dãy hoặc một nhóm đảo nằm gần nhau...

**Câu 6** : **Những hình ảnh được nhắc tới trong đoạn thơ như** “ *đảo cuối trời xanh*”, “*trăm hạt thóc vãi thành đảo con*”, “ *Sóng bào mãi vẫn không mòn*”, … **khiến em hình dung như thế nào về quần đảo Trường Sa?**

A. Là nơi xa xôi của tổ quốc, tuy nhỏ bé mà kiên cường

B. Là hòn đảo gần đất liền, là địa điểm du lịch hấp dẫn

C. Là nơi xa xôi của tổ quốc, không có người ở

D. Là nơi xa xôi của tổ quốc, con người chưa bao giừo đặt chân đến

**Câu 7**: **Cho biết nội dung chính của đoạn thơ ?**

A. Đoạn thơ thể hiện tình cảm gần gũi, thân thương của tác giả dành cho quần đảo Trường Sa.

B. Đoạn thơ ca ngợi vẻ đẹp của quần đảo Trường Sa

C. Đoạn thơ thể hiện tình yêu nguồn cội tha thiết của tác giả

D. Đoạn thơ thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo của tác giả.

**Câu 8**: **Từ *mũi* trong câu thơ *“Tấm lòng theo mũi tàu ra” với từ “mũi” trong câu*** ***“Bạn Lan có chiếc mũi dọc dừa rất đẹp”* là:**

A. Từ đồng âm

B. Từ nhiều nghĩa

C. Từ đồng nghĩa

D. Từ trái nghĩa

**Câu 9**: Theo em, vì sao nhà thơ khẳng định "Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần”?

**Câu 10**: Bài thơ đã khơi gợi trong em tình cảm và trách nhiệm gì với đất nước, với biển đảo quê hương? (Viết đoạn văn từ 3-5 câu)

**II. VIẾT**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm thành công hay thất bại của em.

**ĐỀ 2:**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN**

 *Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.*

 *Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.*

*(Theo Đoàn Công Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò)*

**Câu 1**. Câu chuyện trênthuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại.

C. Truyền thuyết. D. Truyện cười.

**Câu 2**. Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba. D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.

**Câu 3.** Chim Én và Dế Mèn cùng đi chơi vào thời gian nào trong năm?

A. Mùa xuân. B. Mùa hạ.

C. Mùa thu. D. Mùa đông.

**Câu 4**. Cử chỉ hành động nào của Dế Mèn trong câu chuyện làm cho Chim Én thấy tội nghiệp?

A. Mèn hốt hoảng. B. Mèn ngậm vào giữa.

C. Dế Mèn thơ thẩn. D. Dế Mèn say sưa.

**Câu 5.** Nối câu văn ở cột A sao cho thích hợp với phép tu từ ở cột B.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | B | Kết quả |
| 1. Chim Én thấy tội nghiệp rủ Mèn dạo chơi trên trời. | a. So sánh | 1 + |
| 2. Chim Én… Chim Én… Chim Én. | b. Liệt kê | 2 + |
| 3. Nó rơi xuống đất như một chiếc lá lìa cành.  | c. Nhân hóa | 3 + |
| 4. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi. | d. Điệp ngữ | 4 + |
| 5. Mùa xuân đất trời đẹp. |  | 5 + |

**Câu 6.** Chọn một trong các phép tu từ sau: (*nhân hóa, so sánh, hoán dụ)* điền vào chỗ trống (…) sao cho thích hợp.

Tác giả đã sử dụng nghệ thuật ………………….. làm cho loài vật trở nên sinh động và gần gũi với con người.

 **Câu 7**. Nhận xét nào sau đây đúng với nhân vật Dế Mèn trong câu chuyện trên?

 A. Dũng cảm. B. Hống hách.

 C. Ích kỉ. D. Thông minh.

 **Câu 8**. Vì sao Dế Mèn lại rơi xuống đất?

A. Vì tội nghiệp hai con chim én phải gánh mình.

B. Vì nó đang rất nặng khi phải gánh hai con chim Én.

C. Vì nó muốn quay xuống mặt đất.

D. Vì Dế Mèn ích kỉ nên há mồm ra.

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học tâm đắc nhất từ câu chuyện trên.

**Câu 10**. Nếu được hóa thân thành Dế Mèn trong câu chuyện trên, em sẽ làm gì? (Viết đoạn văn từ 3 - 5 câu)

**II. VIẾT**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm giúp tâm hồn em trở nên phong phú hơn (*Kể về một kỉ niệm tuổi thơ).*

**ĐỀ 3:**

**Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới**

**TÓC CỦA MẸ TÔI**

Mẹ tôi hong tóc buổi chiều

Quay quay bụi nước bay theo gió đồng

Tóc dại mẹ xõa sau lưng

Bao nhiêu sợi bạc chen cùng sợi đen.

Tóc sâu của mẹ tôi tìm

Ngón tay lần giữa ấm mềm yêu thương

Bao nhiêu sợi bạc màu sương

Bấy nhiêu lần mẹ lo buồn vì tôi.

Con ngoan rồi đấy mẹ ơi

Ước gì tóc mẹ bạc rồi lại xanh.

(Phan Thanh Nhàn, trích *Con muốn mặc áo đỏ đi chơi*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016)

**I. Đọc hiểu:**

Khoanh tròn vào một đáp án đúng cho mỗi câu (từ 1 đến 8)

 **Câu 1** Bài thơ đươc viết theo thể thơ

 A.Song thất lục bát B. Lục bát

C.Tám chữ D.Sáu chữ

 **Câu 2**: Bài thơ ngắt nhịp theo nhịp

 A.Chẵn B. Lẻ

 **Câu 3**: Dòng thơ nào **không** trực tiếp nói về đặc điểm của tóc mẹ?

 A. Tóc dài mẹ xoã sau lưng. B. Bao nhiêu sợi bạc chen cùng sợi đen

 C. Bao nhiêu sợi bạc màu sương D. Ước gì tóc mẹ bạc rồi lại xanh.

 **Câu 4**: Dòng thơ nào sau đây chứa từ láy?

A.Bao nhiêu sợi bạc chen cùng sợi đen

 B.Quay quay bụi nước bay theo gió đồng

 C.Ngón tay lần giữa ấm mềm yêu thương

 D.Bấy nhiêu lần mẹ lo buồn vì tôi

 **Câu 5:** Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

 A.Người mẹ B.Tóc của mẹ

 C.Người bố D. Người con

**Câu 6**: Khổ thơ thứ hai người con muốn bộc lộ tình cảm gì với người mẹ của mình?

A.Biết ơn và kính trọng mẹ kể cả lúc mẹ đã già yếu.

 B.Lo lắng, buồn phiền khi thấy mẹ đã già.

 C.Quan tâm,thấu hiểu và thấy có lỗi với mẹ.

 D.Thương mẹ vì đã già.

**Câu 7**: Biện pháp tu từ nào được sử dụng ở dòng thơ sau?

Bao nhiêu sợi bạc chen cùng sợi đen.

A. Hoán dụ. B. Ẩn dụ. C. Nhân hoá D. So sánh

**Câu 8**. Nghĩa của từ “hong” trong bài thơ là gì?

A.Làm cho thẳng, mượt, sạch bằng cách dùng lược

 B.Làm cho khô bằng cách trải ra chỗ có nắng.

C. Làm cho khô đi bằng cách để ở chỗ thoáng gió

D. Làm cho sạch bằng nước và các chất làm sạch

 **Tự luận:**

**Câu 9**. Em nhận xét như thế nào về mong ước của người con qua hai dòng thơ cuối bài?

 Con ngoan rồi đấy mẹ ơi

Ước gì tóc mẹ bạc rồi lại xanh.

 **Câu 10**. Bài thơ khơi gợi ở em những cảm xúc, suy nghĩ gì về người mẹ của mình? Em mong muốn làm điều gì cho mẹ? (Viết đoạn văn từ 3 - 5 câu)

**II. Viết**

Hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân em với người thân trong gia đình.

**ĐỀ 4:**

 **PHẦN I: ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**LỤC BÁT VỀ CHA**

Cánh cò cõng nắng qua sông

Chở luôn nước mắt cay nồng của cha

Cha là một dải ngân hà

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.

Quê nghèo mưa nắng trào tuôn

Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm

Thương con cha ráng sức ngâm

Khổ đau hạnh phúc nảy mầm thành hoa.

 Lúa xanh xanh mướt đồng xa

Dáng quê hoà với dáng cha hao gầy

Cánh diều con lướt trời mây

Chở câu lục bát hao gầy tình cha.

 *(Thích Nhuận Hạnh)*

***Ghi lại chữ cái đứng đầu phương án trả lời đúng và thực hiện các yêu cầu:***

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do C. Thơ lục bát

B. Thơ bốn chữ D. Thơ năm chữ

**Câu 2.** Câu thơ nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ?

A. Lúa xanh xanh mướt đồng xa

B. Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm

C. Dáng quê hoà với dáng cha hao gầy

D. Chở luôn nước mắt cay nồng của cha

**Câu 3.** Hình ảnh *người cha* được khắc hoạ rõ nhất qua những chi tiết nào?

A. Nước mắt cay nồng, dáng hao gầy, dải ngân hà

B. Nước mắt hao gầy, dáng hao gầy, quê nghèo

C. Dáng hao gầy, quê nghèo, cánh diều

D. Cánh diều, nước mắt cay nồng, cánh cò

**Câu 4.** Tại sao tác giả đặt nhan đề bài thơ là *Lục bát về cha*?

A. Bài thơ viết về cha theo thể lục bát.

B. Bài thơ được viết theo thể lục bát.

C. Bài thơ ca ngợi công lao của cha.

D. Bài thơ thể hiện tình cảm của cha.

**Câu 5.** Việc sử dụng các động từ *cõng, chở, ráng* góp phần thể hiện điều gì ở người cha?

A. Sự chăm sóc, quan tâm đến con

B. Nỗi nhớ, niềm tin tưởng con

C. Nỗi niềm lo lắng cho con

D. Sự hi sinh, nâng đỡ con

**Câu 6.** Cảm xúc chủ đạo của người viết được thể hiện trong bài thơ này là gì?

A. Nhớ nhung, tự hào về cha

B. Hạnh phúc, lo lắng về cha

C. Trân trọng, xót xa cha

D. Buồn thương, nhung nhớ cha

**Câu 7.** Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa của từ *“thăng trầm”* trong bài thơ?

A. Nhịp điệu trầm, bổng (cao, thấp)

B. Sự ổn định, hạnh phúc

C. Sự đáng thương, khổ sở

D. Sự không ổn định, nhiều biến đổi

**Câu 8.** Đặc điểm nào của bài thơ **không** phải đặc trưng của thơ lục bát?

A. Các dòng thơ sáu chữ, tám chữ đan xen.

B. Các câu thơ thường ngắt nhịp chẵn.

C. Đề tài quen thuộc.

D. Gieo vần chân hoặc vần lưng.

**Câu 9.** Ghi lại ngắn gọn bài học tâm đắc nhất của em sau khi đọc bài thơ trên.

**Câu 10.** Em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình với những người thân yêu? (Trình bày ngắn gọn từ 3-5 câu văn).

**PHẦN II: VIẾT**

Bài thơ “*Lục bát về cha*” (Thích Nhuận Hạnh) gợi lên những kí ức bên người thân yêu. Kể lại một trải nghiệm sâu sắc nhất của em về những người thân trong gia đình.